TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48 /2019/DS-PT
Ngày: 08 - 3 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49 /2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Huỳnh M, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh M: Ông Ngô Đình Ch, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 142, đường Phạm Hồng Thám, khóm 2, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trương Văn X, sinh năm 1939

2. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1940 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Rạch Muỗi, xã P, huyện C, tỉnh C, .

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Ông Trương Văn H, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Ấp Rạch Muỗi, xã P, huyện C, tỉnh C, (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Văn X, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh M, ông Ngô Đình Ch trình bày: Ngày 02 tháng 6 năm 2017 bà M có cho ông X và bà B vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Sau khi vay đến nay, mặc dù bà M đã nhiều lần yêu cầu ông X và bà B trả nợ nhưng ông X và bà B vẫn không thực hiện. Vì vậy bà M yêu cầu ông X và bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vốn là 50.000.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất 1,25%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm bằng tiền 9.562.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 59.562.000 đồng.

- Ông Trương Văn X và bà Lâm Thị B trình bày: Ông bà thừa nhận trước đây ông bà có vay bà M 50.000.000 đồng, nhưng vay vào ngày 01/6/2012 chứ không phải vào ngày 02/6/2017. Khi vay thỏa thuận với lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay ông bà đã trả lãi cho bà M, đến khoảng tháng 9/2016 thì ông bà có trả cho bà M 20.000.000 đồng vốn. Việc ông thanh toán vốn và trả lãi cho bà M thì ông bà có tự ghi lại để nhớ chứ bà M không ghi biên nhận cho ông bà. Ông bà chỉ đồng ý trả cho bà M 30.000.000 đồng vốn, còn lãi do ông bà đã trả quá nhiều nên không đồng ý trả thêm lãi theo yêu cầu của bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 184 /2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Huỳnh M. Buộc ông Trương Văn X và bà Lâm Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Huỳnh M số tiền là 59.562.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2018 ông Trương Văn X nộp đơn kháng cáo đề ngày 03/12/2018 với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại thời gian bà M cho ông và bà B vay tiền, xem xét lại số tiền lãi ông bà đã trả cho bà M để đối trừ cho ông bà, đồng thời giảm tiền lãi để ông và bà B có điều kiện trả nợ cho bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông X xác định thời gian ông X, bà B vay tiền của bà M 50.000.000 đồng vào ngày 01/6/2012 với lãi suất 4%/tháng, đã trả lãi đến ngày 02/6/2017. Khoảng tháng 9 năm 2016 thì ông X, bà B có trả tiền vốn 20.000.000 đồng cho bà M và đối với tiền lãi ông X, bà B đã trả lãi cho bà M trên 100.000.000 đồng. Vì vậy ông X yêu cầu xem xét đối trừ tiền vốn đồng thời giảm tiền lãi cho ông X, bà B. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M có cho ông X, bà B vay 50.000.000 đồng là thực tế có xảy ra được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất nhau về thời điểm vay tiền, số tiền vốn đã thanh toán và tiền lãi đã trả.

[2] Về thời điểm vay tiền: Bị đơn cho rằng thời điểm vay là ngày 01/6/2012, mức lãi suất 4%/tháng có cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 01/6/2012 có công chứng. Nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đối với hợp đồng

vay ngày 01/6/2012 các bên đã tất toán xong hợp đồng. Đến ngày 02/6/2017 bị đơn tiếp tục vay khoản vay mới từ đó ông X, bà B làm biên nhận thể hiện ngày vay là ngày 02/6/2017. Tại hợp đồng vay ngày 01/6/2012 do bị đơn cung cấp thì không thể hiện mức lãi suất 4%/tháng như bị đơn trình bày. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận chữ ký tại biên nhận vay tiền ngày 02/6/2017 là của bị đơn. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng sở dĩ bị đơn ký biên nhận vay ngày 02/6/2017 là do nguyên đơn đe dọa, ép buộc. Ngoài trình bày và những chứng cứ do bị đơn cung cấp thì bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó không có cơ sở kết luận giao dịch vay tài sản này được thực hiện vào ngày 01/6/2012 đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn vẫn chưa thanh toán, mà có cơ sở chấp nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn hợp đồng vay ngày 01/6/2012 các bên đã tất toán xong, đến ngày 02/6/2017 các bên tiếp tục thực hiện việc giao dịch vay mới.

[3] Về số tiền thanh toán vốn: Bị đơn xác định đã trả vốn cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng nhưng đại diện nguyên đơn không thừa nhận về việc bị đơn có trả tiền vốn cho nguyên đơn. Việc bị đơn cho rằng đã trả vốn 20.000.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ đã trả vốn cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc đã trả 20.000.000 đồng tiền vốn cho nguyên đơn.

[4] Về thanh toán lãi: Nguyên đơn cho rằng từ khi vay ông X, bà B không trả lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu ông X, bà B trả lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm là 17 tháng, với mức lãi suất 1.25%/ tháng bằng 9.526.000 đồng. Bị đơn cho rằng có trả lãi cho nguyên đơn số tiền trên 100.000.000 đồng và cung cấp các biên nhận trả lãi. Tuy nhiên xét thấy các biên nhận trả lãi do bị đơn cung cấp đều thể hiện bị đơn trả tiền lãi trước ngày nhận tiền vay 02/6/2017, điều đó cho thấy việc trả tiền lãi này là trả lãi cho khoản tiền vay trước ngày 02/6/2017. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất theo quy định của nhà nước 1,25% là phù hợp. Như vậy số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn cụ thể là: 50.000.000 đồng x 1,25%/tháng x 17 tháng bằng 10.625.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 9.526.000 đồng là có lợi cho bị đơn.

[5] Đối với việc nguyên đơn thừa nhận mặc dù hợp đồng vay ngày 01/6/2012 đã tất toán xong nhưng nguyên đơn vẫn còn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay ngày 02/6/2017 bị đơn không nộp đơn phản tố để yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho hợp đồng vay ngày 01/6/2012. Nên cấp sơ thẩm không xem xét do đó cấp phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

[6] Từ phân tích trên cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán vốn và trả lãi cho nguyên đơn số tiền 59.526.000 đồng là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông X là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 184/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Huỳnh M. Buộc ông Trương Văn X và bà Lâm Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Huỳnh M số tiền là 59.562.000 đồng (trong đó: Tiền vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi 9.562.000 đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Huỳnh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Văn X và bà Lâm Thị B không thi hành xong thì ông X và bà B còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn X và bà Lâm Thị B được miễn án phí theo quy định. Bà Nguyễn Huỳnh M không phải chịu, ngày 06 tháng 7 năm 2018 bà M có dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 1.475.000 đồng do ông Nguyễn Hoàng Vui nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004580 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Văn X được miễn án phí theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Thị Hải Hà - Huỳnh Văn Út **Phạm Việt Trung**